

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2021/DS-ST  
Ngày: 11-5-2021  
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hồng Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Bền

2. Ông Lê Văn Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Trương Tấn Thành, Thư ký Tòa án-Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh-Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXX-ST ngày 17 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: 132, tổ 5, ấp BT B, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Bà Cao Thị E, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 143, ấp T B, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:*

Từ ngày 15/7/2017 (âm lịch) bà có tham gia 03 dây hui do bà Cao Thị E làm chủ hui và đến ngày 10/4/2020 bà E tuyên bố vỡ hui.

- Hui khai ngày 15/7/2017 (âm lịch), hui 500.000 đồng, hai tuần khai một lần, gồm 148 phần, 74 kỳ khai mỗi lần hót 02 phần. Bà tham gia 02 phần, đóng được 66 kỳ với số tiền 42.240.000 đồng.

- Hui khai ngày 10/3/2019 (âm lịch), hui 500.000 đồng, hai tuần khai một

lần, gồm 296 phần, 74 kỳ khai, mỗi kỳ 04 phần được hốt. Bà tham gia 02 phần, mỗi kỳ đóng 640.000 đồng, đóng được 26 kỳ với số tiền 16.640.000 đồng .

- Hui khai ngày 05/8/2019 (âm lịch), hui 500.000 đồng, hai tuần khai một lần, gồm 240 phần, 80 kỳ khai, mỗi kỳ khai 03 phần được hốt. Bà tham gia 02 phần, mỗi kỳ đóng 640.000 đồng đóng được 16 kỳ với số tiền 10.240.000 đồng.

Như vậy tổng cộng bà Cao Thị E nợ bà trong 03 dây hui là 69.120.000đồng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Cao Thị E phải trả lại cho bà số tiền nợ hui gốc là 69.120.000đồng (Sáu mươi chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn:* dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có bản tự khai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên bị đơn chưa thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Cao Thị E trả số tiền nợ hui vốn gốc là 69.120.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do chính đáng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật. Bà Cao Thị E có hộ khẩu tại ấp T B, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang nên bà T khởi kiện là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền hui, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng góp hui” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Cao Thị E phải trả số tiền nợ hui gốc là 69.120.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Xét, nguyên đơn có cung cấp Biên nhận hội (Ghi bằng giấy lịch) thể hiện nội dung 03 dây hội. Tổng cộng số tiền là 69.120.000 đồng (BL26). Bà Cao Thị E đã được tổng đạt đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và toàn bộ các tài liệu chứng cứ kèm theo, trong đó có Biên nhận hội, Bản tường trình đề ngày 13/5/2020, Biên bản xác minh của Tòa án nhưng bà Cao Thị E không có ý kiến phản đối. Khi tuyên bố vỡ hội khoảng tháng 4 năm 2020 thì ngày 13/5/2020 bà E có bản tường trình lại sự việc tổ chức chơi hội, số tiền bà nợ của từng hội viên, trong đó bà E có nợ bà T 69.120.000 đồng (BL25A, 25B). Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định các tình tiết nêu trên là có thật.

Xét số tiền bà T yêu cầu bà E phải trả là 69.120.000 đồng, xuất phát từ số tiền phải thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng góp hội do bà E làm chủ và bà T là hội viên. Bà T tham gia chơi hội và đóng hội sống đầy đủ, bà đã đóng số tiền hội vốn gốc tổng cộng là 69.120.000 đồng. Bà E là chủ hội nên có nghĩa vụ gom tiền hội viên đã hốt để giao cho bà T khi bà T hốt hội hay khi hội không còn mở nữa. Khi 03 dây hội đều chưa mãn nhưng bà E đã tuyên bố chấm dứt các dây hội từ tháng 5/2020, có làm biên nhận nợ hội. Sau khi làm biên nhận nợ hội đến nay bà E không trả khoản nào cho bà T mà bỏ đi làm ăn nơi khác là vi phạm nghĩa vụ của người chủ hội theo quy định tại Điều 11, Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hội, bêu, phường nên bà T khởi kiện là có căn cứ phù hợp Điều 471 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà E trả tiền hội gốc còn nợ.

[4] Về lãi trên số tiền nợ hội gốc 69.120.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Bà Nguyễn Thị T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi, điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 166, Điều 471 và Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 11, 15, 16, 17, 18 và 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, họ, họ, họ, họ.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T

Buộc bà Cao Thị E có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền họ gốc còn nợ là 69.120.000 đồng (Sáu mươi chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành án.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu tính lãi trên số tiền họ gốc.

3. Về án phí: Bà Cao Thị E phải chịu 3.456.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Đỗ Thị Hồng Quyền**